

Bản án số: 52/2023/HS-ST
Ngày 29 tháng 6 năm 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH P

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Tiến Dũng;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Hảo;

Bà Nguyễn Thị Phầm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Hồng Đăng - Cán bộ Tòa án nhân dân tỉnh P.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh P tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Bích Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2023, Tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh P đưa ra xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 27/2023/TLST-HS ngày 20 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh P

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 164/2023/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 5 năm 2023, quyết định hoãn phiên tòa số 188/HSST-QĐ ngày 08/6/2023 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Phùng Thị T; Tên gọi khác: không; Giới tính: Nữ; Sinh ngày 01/7/1976, tại thị xã P, tỉnh P; - Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Trình độ học vấn: 6/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; ĐKKHKT + chỗ ở: khu dân cư Q, phường A, thị xã P, tỉnh P; Bố đẻ: Phùng Nha P - đã chết; Mẹ đẻ: Nguyễn Thị T sinh năm 1932, già yếu, trú tại: phường A, thị xã P, tỉnh P. Anh chị em ruột: có 07 chị em, bị cáo là con thứ bảy; Chồng: Từ Đức T, sinh năm 1966, hiện đang đi chấp hành án tại Trại tạm giam Công an tỉnh P; Con: có 3 con, con lớn nhất sinh năm 1995, con nhỏ nhất sinh năm 2007.

Tiền án, tiền sự: không

Bị can bị bắt tạm giữ từ ngày 21/12/2022 đến ngày 27/12/2022 được áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang tại ngoại tại nơi cư trú. (Có mặt).

2. Họ và tên: Nguyễn Văn T; Tên gọi khác: không; Giới tính: Nam; Sinh ngày 31/7/1978, tại thị xã P, tỉnh P; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Trình độ học vấn: 6/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; ĐKKHKT + chỗ ở: tổ 3, phố Tân Lập, phường H, thị xã P, tỉnh P. Bố đẻ: Nguyễn Văn N, sinh năm 1912, đã chết; Mẹ đẻ: Chu Thị D, sinh năm 1942; Điều trú tại: phường H, thị

xã P, tỉnh P; Anh chị em ruột: có 03 anh em, bị cáo là con thứ ba; Vợ: Nghiêm Thị T, sinh năm 1977; Con: có 3 con, con lớn nhất sinh năm 2004, con nhỏ nhất sinh năm 2015;

Tiền án, tiền sự: không

Nhân thân: Tại bản án sơ thẩm số 10/2000/HSST ngày 01/8/2000, Tòa án nhân dân thị xã P, tỉnh P xử 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng về tội “Trộm cắp tài sản xã hội chủ nghĩa”. Bị cáo đã thi hành xong án phí hình sự sơ thẩm ngày 05/9/2000.

Bị can bị bắt tạm giữ từ ngày 22/12/2022 đến ngày 27/12/2022 được áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang tại ngoại tại nơi cư trú. (Có mặt).

3. Họ và tên: Lê Đức T; Tên gọi khác: không; Giới tính: Nam; Sinh ngày 26/3/1989, tại B, H; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Trình độ học vấn: 6/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; ĐKKHKT + chỗ ở: thôn La Phẩm 2, xã Tân Hồng, huyện B, thành phố H; Bố đẻ: Lê Đức T, sinh năm 1955, đã chết; Mẹ đẻ: Nguyễn Thị S, sinh năm 1959, trú tại: Thôn La Phẩm 2, huyện B, thành phố H; Anh chị em ruột: có 05 chị em, bị can là con thứ tư; Vợ: Khổng Thị Tuyết N, sinh năm 1991; Con: có 4 con, con lớn nhất sinh năm 2010, con nhỏ nhất sinh năm 2018.

Tiền án, tiền sự: không

Nhân thân: Bản án sơ thẩm số 09/2016/HSST ngày 29/01/2016, Tòa án nhân dân huyện B, thành phố H xử phạt 28 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 56 tháng về tội Cố ý gây thương tích, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị cáo đã thi hành xong án phí hình sự sơ thẩm ngày 29/01/2016.

Bị cáo được áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang tại ngoại tại nơi cư trú. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 18 giờ 15 phút ngày 21/12/2022, tại nơi ở của Phùng Thị T sinh năm 1976, khu dân cư Q, phường A, thị xã P, tỉnh P, tổ công tác của Phòng Cảnh sát hình sự Công an tỉnh P phối hợp với chính quyền địa phương kiểm tra, phát hiện T có hành vi nhận số lô, số đề qua tin nhắn điện thoại di động. T tự nguyện giao nộp chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A3S, màu đỏ và khai nhận việc sử dụng điện thoại di động, lắp sim thuê bao 0862.866.715 để nhận:

- 04 tin nhắn số lô đề từ số thuê bao 0976.115.251 của một người phụ nữ tên là Hạnh sinh năm 1978, ở tổ 7, phường Phong Châu, thị xã P, tỉnh P với tổng số tiền tương ứng là 4.340.000đ.

- 05 tin nhắn số lô đề từ số thuê bao 0972.278.243 của một người tên là Nguyễn Văn T sinh năm 1978, ở khu dân cư Tân Lập, phường H, thị xã P, tỉnh P, với tổng số tiền tương ứng là 12.930.000đ.

- 01 tin nhắn số lô đề từ số thuê bao 0326.097.574 của một người đàn ông có tên là Tuấn, ở phường A, thị xã P, tỉnh P với số tiền tương ứng là 660.000đ.

Sau khi nhận được các số lô đề trên, T đã gửi các tin nhắn có nội dung số lô đề trên đến số thuê bao 0334.458.632 của một người tên là Cường ở huyện B, thành phố H. Ngoài ra, T còn tự soạn 04 tin nhắn có nội dung số lô đề mà T muốn mua để gửi vào số thuê bao 0334.458.632 của Cường, với tổng số tiền tương ứng là 20.090.000đ.

Căn cứ lời khai của Phùng Thị T, cơ quan CSĐT Công an tỉnh P đã khám xét khẩn cấp nơi ở của Phùng Thị T nhưng không thu giữ được đồ vật tài liệu gì. Khám xét khẩn cấp nơi ở của Nguyễn Văn T, cơ quan điều tra thu giữ của T: 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F1S, màu trắng, số imei 1: 861216035113075; số imei 2: 861216035113067, không lắp sim. T trình bày, chiếc sim có số thuê bao 0972.278.243 dùng để nhắn tin mua số lô đề của T, do đã hết tiền trong tài khoản nên T đã tháo ra, xong không biết đã bị rơi mất lúc nào, ở đâu.

Tại Cơ quan điều tra, Phùng Thị T khai nhận: Do trước đó, T được một người đàn ông gọi điện đến tự giới thiệu tên là Cường ở huyện B, thành phố H nói là đã biết T qua sự giới thiệu của anh Dương Bằng tại một buổi đi chùa về và ăn cơm cùng nhau. T nhận ra là người quen. Sau đó, Cường (tức là T) có bảo với T nếu có nhu cầu mua số lô đề thì nhắn tin cho Cường, Cường sẽ bán cho. Đến ngày 21/12/2022, anh Nguyễn Văn T là bạn của T, chị Hạnh là hàng xóm trước đây với T và một người có tên là Tuấn, làm thợ xây dựng gần nhà T có nhờ T mua hộ số lô số đề và T đồng ý mua hộ số lô số đề như đã nêu trên.

Quá trình điều tra xác định:

- Người đàn ông tên là Cường ở huyện B, thành phố H là người mà T gửi 14 tin nhắn có nội dung số lô đề ngày 21/12/2022 có tên là Lê Đức T sinh năm 1989, trú tại: thôn La Phẩm 2, xã Tân Hồng, huyện B, thành phố H. Cơ quan điều tra đã tiến hành triệu tập đối với T, do T không có mặt tại địa phương nên Cơ quan điều tra đã ra Quyết định truy tìm người đối với Lê Đức T. Đến ngày 12/01/2023, Lê Đức T đến cơ quan điều tra đầu thú và khai nhận hành vi đánh bạc với Phùng Thị T dưới hình thức nhận các số lô đề qua tin nhắn điện thoại di động. Cụ thể: Do quen biết với T qua sự giới thiệu của anh Lê Nguyên Dương (tức Dương Bằng) sinh năm 1990 ở phường Dữu Lâu, thành phố Việt Trì, tỉnh P từ trước nên T có gọi

điện thoại và bảo với T, nếu có nhu cầu mua bán số lô đề thì liên lạc với Cường (tức T) và ngày 21/12/2022, T đã nhận được tổng số 14 tin nhắn có nội dung số lô đề từ số điện thoại số 0862.866.715 của chị T đến điện thoại di động có lắp sim 0334.458.632 của T, với tổng số tiền tương ứng là 38.020.000đ. Số tiền này, T và T chưa thanh toán tiền cho nhau. Sau khi bán số lô đề cho T và biết T bị bắt, T hoảng sợ đã bỏ trốn khỏi địa phương và đã vứt bỏ chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Sam sung màu vàng, lắp sim số 0334.458.632 ở rãnh nước gần nhà. Cơ quan điều tra đã tổ chức truy tìm vật chứng nhưng không tìm thấy.

- Đối với Nguyễn Văn T, do là bạn với T, biết T có thể mua hộ số lô đề nên ngày 21/12/2022, T đã tự soạn các số lô đề và gửi bằng 05 tin nhắn từ chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F1S, gắm sim số 0972.278.243 của T đến số điện thoại 0862.866.715 của T để mua số lô đề, với tổng số tiền tương ứng 12.930.000đ. Số tiền mua lô đề này, T chưa thanh toán cho T.

- Người phụ nữ tên là Hạnh là người T khai đã nhận 04 tin nhắn có nội dung số lô đề ngày 21/12/2022 với số tiền tương ứng 4.340.000đ có tên đầy đủ là Nguyễn Thị Hồng Hạnh, sinh năm 1978, hộ khẩu thường trú: phường Phong Châu, thị xã P, tỉnh P. Tuy nhiên, hiện tại Hạnh không có mặt tại địa phương. Theo kết quả tra cứu cột sóng điện thoại, thời điểm Hạnh nhận tin mua lô đề của T, Hạnh đang ở trong thành phố Hồ Chí Minh nhưng không rõ địa chỉ cụ thể. Hạnh chưa thanh toán tiền cho T.

- Người đàn ông tên là Tuấn là người T khai đã nhận 01 tin nhắn có nội dung số lô đề ngày 21/12/2022, với số tiền tương ứng là 660.000đ làm thợ xây ở chợ Phường thuộc phường A, thị xã P. Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh xong không xác định được tên tuổi địa chỉ cụ thể của người đàn ông này. Theo tra cứu số điện thoại, xác định chủ thuê bao số 0326.097.574 là của một người tên là Bùi Đức Dương sinh năm 1998 ở xã Yên Từ, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình. Tuy nhiên, Dương đi làm ăn xa ở đâu không rõ, hiện không có mặt tại địa phương. Người đàn ông có tên là Tuấn chưa thanh toán tiền cho T.

Như vậy, Phùng Thị T phải chịu trách nhiệm hình sự với tổng số tiền dùng đánh bạc với Nguyễn Văn T, Lê Đức T, người phụ nữ tên Hạnh và người đàn ông tên Tuấn là 55.950.000đ; Lê Đức T phải chịu trách nhiệm hình sự với số tiền dùng vào việc đánh bạc với Phùng Thị T là 38.020.000đ; Nguyễn Văn T phải chịu trách nhiệm hình sự với số tiền dùng vào việc đánh bạc với Phùng Thị T là 12.930.000đ.

Quá trình điều tra xác định, để có tiền tiêu sài cá nhân nên các bị can và người chơi quy ước đánh bạc với nhau dưới hình thức gửi tin nhắn SMS qua điện thoại di động. Một điểm lô tính 22.000đ, nếu trúng thưởng sẽ được hưởng 80.000đ/1 điểm lô; một điểm lô xiên 3 tính 10.000đ, nếu trúng thưởng sẽ được hưởng 400.000đ/1 điểm lô xiên 3; một điểm lô xiên 4 tính 10.000đ, nếu trúng

thưởng sẽ được hưởng 1.000.000đ/1 điểm lô xiên 4; với số đề nếu trúng đề sẽ được hưởng gấp 70 lần số tiền đã đánh. Việc xác định trúng số lô, số đề được căn cứ vào kết quả xổ số kiến thiết miền bắc mở thưởng trong ngày để xác định thắng, thua và thanh toán cho nhau. Số đề trúng thưởng được tính là trùng với 2 số cuối của giải đặc biệt; Số lô trúng thưởng được tính là trùng với 2 số cuối của tất cả các giải kết quả xổ số. Sau khi có kết quả người chơi sẽ tự đối chiếu, thanh toán thắng thua. Theo quy ước này, các bị can đã thực hiện hành vi đánh bạc với nhau như đã nêu trên.

- Vật chứng vụ án gồm:

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A3s, màu đỏ, lắp sim số 0862.766.715, số IMEI 1: 867791049544055; Số IMEI 2: 867791049544048.

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F1s; màu trắng, số IMEI 1: 861216035113075; Số IMEI 2: 861216035113607

Tại Cáo trạng số: 32/CT-VKS-P2 ngày 20/4/2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh P đã truy tố:

- Bị cáo Phùng Thị T về tội “Đánh bạc” theo điểm b khoản 2 Điều 321 Bộ luật hình sự ;

- Các bị cáo Nguyễn Văn T, Lê Đức T về tội "Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh P vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như bản cáo trạng đã nêu và đề nghị:

* Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Phùng Thị T ,Nguyễn Văn T, Lê Đức T phạm tội "Đánh bạc"

* Về Điều luật áp dụng và hình phạt:

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Thị T.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T 36 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 năm. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường A, thị xã P, tỉnh P để giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân phường A, thị xã P, tỉnh P trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lê Đức T.

Xử phạt bị cáo Lê Đức T từ 40 triệu đến 50 triệu đồng.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn T.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 25 triệu đến 30 triệu đồng.

* **Về xử lý vật chứng:** Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

* *Tịch thu sung ngân sách nhà nước các vật chứng như sau:*

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A3s, màu đỏ, số IMEI 1: 867791049544055; Số IMEI 2: 867791049544048 của Nguyễn Thị T.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F1s; màu trắng, số IMEI 1: 861216035113075; Số IMEI 2: 861216035113607 của Nguyễn Văn T.

* *Tịch thu tiêu hủy các vật chứng sau:*

- 01 sim điện thoại số 0862.766.715 của Nguyễn Thị T.

(Toàn bộ vật chứng có tình trạng cụ thể như trong biên bản bàn giao vật chứng ngày 21 tháng 4 năm 2023 cho Cục thi hành án dân sự tỉnh P).

- Truy thu của Phùng Thị T số tiền 20.090.000 đồng (hai mươi triệu không trăm chín mươi nghìn đồng). Xác nhận bị cáo Phùng Thị T đã nộp số tiền 20.090.000 đồng (hai mươi triệu không trăm chín mươi nghìn đồng) theo phiếu thu số AA 0000410 ngày 29/6/2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh P.

- Truy thu của Nguyễn Văn T số tiền 12.930.000đ (Mười hai triệu chín trăm ba mươi nghìn đồng). Xác nhận bị cáo đã nộp 12.930.000đ (Mười hai triệu chín trăm ba mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số AA/2020/0000456 ngày 17/4/2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh P.

* Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

- Các bị cáo Nguyễn Thị T, Nguyễn Văn T và Lê Đức T phải án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận. Lời nói sau cùng các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho các bị cáo được cải tạo ngoài xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Các quyết định của cơ quan cảnh sát điều tra; Viện kiểm sát được thực hiện theo đúng trình tự thủ tục của Bộ luật tố tụng hình sự. Điều tra viên; Kiểm sát

viên thực hiện việc điều tra, thực hành quyền công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng hình sự đã đảm bảo khách quan đúng quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đều đã khai nhận về hành vi phạm tội của mình gây ra đúng như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh P đã truy tố. Xét lời khai của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay là phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án như: biên bản thu giữ đồ vật, tài liệu; kết luận giám định, lời khai của những người liên quan cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên có đủ cơ sở xác định:

Ngày 21/12/2022, tại phường A, thị xã P, tỉnh P, Phùng Thị T có hành vi đánh bạc dưới hình thức nhận tin nhắn các số lô, đề của Nguyễn Văn T với số tiền 12.930.000đ; của một người phụ nữ tên là Hạnh với số tiền 4.340.000đ; của một người đàn ông tên là Tuấn với số tiền 660.000đ. Sau đó, T gửi tin nhắn số lô, đề gồm các số đã nhận của T, Hạnh, Tuấn và tự đánh thêm cho Lê Đức T với tổng số tiền 38.020.000đ. Như vậy, Lê Đức T phải chịu trách nhiệm hình sự với số tiền dùng vào việc đánh bạc với Phùng Thị T là 38.020.000đ; Nguyễn Văn T phải chịu trách nhiệm hình sự với số tiền dùng vào việc đánh bạc với Phùng Thị T là 12.930.000đ. Mặc dù, cơ quan điều tra chưa xác minh làm rõ được người có tên là Hạnh và Tuấn xong các tài liệu đã thu thập được đều thể hiện T có đánh bạc với những người này. Do đó, Phùng Thị T phải chịu trách nhiệm hình sự với tổng số tiền dùng đánh bạc với T, T, người có tên là Hạnh và người có tên Tuấn là 55.950.000đ.

Như vậy, hành vi của bị cáo Phùng Thị T đã phạm vào tội “Đánh bạc” theo điểm b khoản 2 Điều 321 Bộ luật hình sự. Hành vi của các bị cáo Nguyễn Văn T và Lê Đức T đã phạm vào tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự như Quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh P là đúng quy định của pháp luật.

Điều 321 Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm:

b, Tiền hoặc hiện vật dùng đánh bạc trị giá 50.000.000 đồng trở lên;”.

[3] Xét tính chất vụ án là nghiêm trọng, hành vi phạm tội của các bị cáo gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an trên địa bàn. Do vậy vụ án cần phải được xử lý nghiêm để giáo dục riêng đối với các bị cáo và phòng ngừa chung trong toàn xã hội.

Tuy nhiên khi quyết định hình phạt cũng cần xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để có một mức án tương xứng với hành vi mà bị cáo đã gây ra.

[4] Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo thấy rằng:

**** Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:***

Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

**** Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:***

- Đối với bị cáo Nguyễn Thị T: Trong quá trình điều tra, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Quá trình sinh sống tại địa phương, bị cáo đã tích cực ủng hộ quỹ vì người nghèo phường A số tiền 1.600.000đ; Bố chồng của bị cáo là ông Từ Đức Cư là người có công với cách mạng được tặng huân chương kháng chiến hạng ba, Trước khi xét xử bị cáo đã số tiền 200.000đ (án phí hình sự sơ thẩm) và số tiền 20.090.000 đồng là số tiền bị cáo đã sử dụng vào việc đánh bạc nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS. Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo là người có nhân thân tốt, lần đầu phạm tội, có nơi cư trú rõ ràng, bị cáo được xem xét nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo ở mức khởi điểm của khung hình phạt và có đủ điều kiện để áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự cho bị cáo cải tạo ngoài xã hội dưới sự giám sát của chính quyền địa phương cũng đủ sức răn đe, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung đối với tội phạm.

- Đối với bị cáo Lê Đức T: Trong quá trình điều tra, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Bị cáo ra đầu thú; Bị cáo có bác là ông Đặng Thế Thường là liệt sỹ; Trong quá trình xét xử, bị cáo đã nộp số tiền 1.000.000đ để ủng hộ quỹ vì người nghèo tại UBND xã Tân hồng, huyện B, thành phố H nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo hiện đang ở cùng và là người chăm sóc bà ruột là bà Lê Thị Sinh (vợ liệt sỹ), có xác nhận của UBND xã Tân Hồng, huyện B, thành phố H. Do đó, không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung, T điều kiện cho bị cáo có cơ hội sửa chữa lỗi lầm, sớm trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội.

- Đối với bị cáo Nguyễn Văn T: Trong quá trình điều tra, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Trước khi xét xử bị cáo đã số tiền 200.000đ (án phí hình

sự sơ thẩm) và số tiền 12.930.000đ là số tiền bị cáo đã sử dụng vào việc đánh bạc nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS. Bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Vì vậy, không nhất thiết phải áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo mà áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo là phù hợp với đường lối xét xử và chính sách khoan hồng của pháp luật hình sự.

[5] Về hình phạt bổ sung:

+ Bị cáo Phùng Thị T hiện đang là chủ sở hữu 01 quyền sử dụng đất có địa chỉ tại khu dân cư Q, phường A, thị xã P, tỉnh P. Trên thửa đất đã được xây dựng nhà kiên cố để sử dụng. Do đó, cần áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo T từ 10 triệu đồng đến 15 triệu đồng là phù hợp

Bị cáo Nguyễn Văn T, Lê Đức T do áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính đối với 02 bị cáo nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phù hợp.

[6] Đối với các trường hợp khác:

- Đối với người phụ nữ có tên là Hạnh và người đàn ông có tên là Tuấn, quá trình điều tra chưa xác định được những người này đang làm gì, ở đâu nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là phù hợp

- Đối với Lê Nguyên Dương là người giới thiệu để Phùng Thị T và Lê Đức T quen biết nhau. Xong Dương không biết việc T và T có liên hệ với nhau để đánh bạc. Do đó, cơ quan điều tra không đề cập xử lý là phù hợp.

[7] Về xử lý vật chứng: Tịch thu sung ngân sách nhà nước các vật chứng là 02 điện thoại di động các bị cáo dùng vào việc phạm tội. Riêng với sim điện thoại kèm theo điện thoại thì tịch thu tiêu hủy.

[8] Tại phiên tòa hôm nay đại diện Viện kiểm sát đề nghị mức án đối với các bị cáo và các vấn đề khác như trên là phù hợp nên được chấp nhận.

[9] Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

[1] Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Phùng Thị T, Nguyễn Văn T và Lê Đức T phạm tội "Đánh bạc".

[2] Về Điều luật áp dụng và hình phạt:

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1,2,5 Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Thị T.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T 36 (Ba mươi sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 năm. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao

bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường A, thị xã P, tỉnh P để giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân phường A, thị xã P, tỉnh P trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, bị cáo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lê Đức T.

Xử phạt bị cáo Lê Đức T 40 (Bốn mươi) triệu đồng.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn T.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 25 (Hai mươi lăm) triệu đồng.

[3] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

*** Tịch thu sung ngân sách nhà nước các vật chứng như sau:**

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A3s, màu đỏ, số IMEI 1: 867791049544055; Số IMEI 2: 867791049544048 của Nguyễn Thị T.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F1s; màu trắng, số IMEI 1: 861216035113075; Số IMEI 2: 861216035113607 của Nguyễn Văn T.

*** Tịch thu tiêu hủy:** 01 sim điện thoại số 0862.766.715 của Nguyễn Thị T.

(Toàn bộ vật chứng có tình trạng cụ thể như trong biên bản bàn giao vật chứng ngày 21 tháng 4 năm 2023 cho Cục thi hành án dân sự tỉnh P).

- Truy thu của Phùng Thị T số tiền 20.090.000 đồng (hai mươi triệu không trăm chín mươi nghìn đồng). Xác nhận bị cáo Phùng Thị T đã nộp số tiền 20.090.000 đồng (hai mươi triệu không trăm chín mươi nghìn đồng) theo phiếu thu số AA 0000410 ngày 29/6/2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh P.

- Truy thu của Nguyễn Văn T số tiền 12.930.000đ (Mười hai triệu chín trăm ba mươi nghìn đồng). Xác nhận bị cáo đã nộp 12.930.000đ (Mười hai triệu chín trăm ba mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số AA/2020/0000456 ngày 17/4/2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh P.

[4] Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

- Các bị cáo Nguyễn Thị T, Nguyễn Văn T và Lê Đức T, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm. Xác nhận bị cáo Nguyễn Văn T đã nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm theo biên lai

thu tiền số AA/2020/ 0000457 ngày 17/4/2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh P. Xác nhận bị cáo Phùng Thị T đã nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm theo biên lai thu tiền số AA/2020/ 0000409 ngày 17/4/2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh P.

[5] Về quyền kháng cáo:

Trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm bị cáo có mặt có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao tại H xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại H;
- VKSND tỉnh P;
- Phòng PC01 - CA tỉnh P;
- Sở Tư Pháp tỉnh P;
- Cục THA Dân sự, hình sự;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Tiến Dũng